

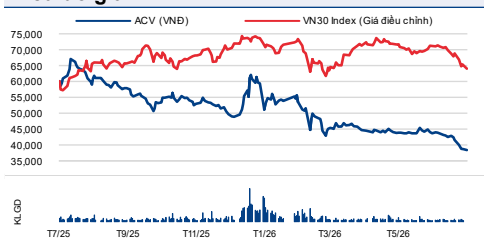
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ43,500
Tiềm năng tăng/giảm: 13.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/7/2026)	38,400
Mã Bloomberg	ACV.VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	38,400-67,100
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	38,733
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	137,549
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,227
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,582
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,755
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,687
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	1.91%
Tỷ lệ freefloat	4.60%
Cổ đông lớn	Bộ Tài Chính (95.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	25,960	28,089	31,877
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,882	18,530	20,695
LNTT (tỷ đồng)	14,915	14,440	6,862
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,745	8,574	3,107
FCF (tỷ đồng)	(12,809)	(49,053)	(4,257)
EPS ĐC (đồng)	2,720	2,393	867
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	19,505	21,898	22,766
T.trưởng EBITDA (%)	14.5	9.76	11.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	(18.0)	(32.2)	(63.8)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	65.0	66.0	64.9
Tỷ suất LNTT (%)	57.5	51.4	21.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	41.8	34.0	10.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	7.85	68.5	70.2
ROAE (%)	16.7	12.9	4.32
ROACE (%)	18.7	12.5	5.24
EV/doanh thu (lần)	5.11	6.64	5.21
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.85	10.1	8.03
P/E ĐC (lần)	14.1	16.0	44.3
P/B (lần)	1.97	1.75	1.69
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Cảng Hàng Không Việt Nam quản lý và điều hành 22 sân bay trên cả nước. Trong đó, có 7 sân bay Quốc tế. Hiện tại, Công ty đang triển khai xây dựng hai dự án lớn là SBQT Long Thành và nhà ga 3 của sân bay SBQT Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang
Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Lợi nhuận cốt lõi giảm 1% so với cùng kỳ; sát dự báo

- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q2/2026 của ACV đạt lần lượt 6,3 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ, giảm 8% so với quý trước) và 2,7 nghìn tỷ đồng (tăng 32% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước). Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (giảm 1% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước), nhìn chung sát với dự báo 2,4 nghìn tỷ đồng của HSC.
- Tính chung nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt lần lượt 13,2 nghìn tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ) và 5,1 nghìn tỷ đồng (giảm 10% so với cùng kỳ), bằng tương ứng 47% và 53% dự báo cả năm 2026 của HSC.
- HSC đang xem xét lại các dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2026

Doanh thu thuần Q2/2026 đạt 6,3 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ. Mặc dù lượng hành khách giảm 4,4% so với cùng kỳ trong Q2/2026 do nhu cầu nội địa yếu và không còn đóng góp từ Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc (PQC) nhưng doanh thu thuần vẫn đi ngang nhờ cơ cấu doanh thu cải thiện với đóng góp cao hơn từ nhu cầu quốc tế.

Lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng mạnh 32% so với cùng kỳ đạt 2,7 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ khoản thu nhập không thường xuyên 238 tỷ đồng (phần lớn từ lãi tỷ giá), so với khoản chi phí không thường xuyên 611 tỷ đồng (phần lớn từ lỗ tỷ giá) trong Q2/2025. Nếu loại trừ toàn bộ các khoản mục không thường xuyên thì lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi giảm 1% so với cùng kỳ xuống 2,5 nghìn tỷ đồng, sát với dự báo.

Lượng hành khách giảm do nhu cầu nội địa yếu

Tổng lượng hành khách đạt 28,9 triệu lượt (giảm 4,4% so với cùng kỳ), do lượng hành khách nội địa giảm 8,8% svck xuống 17,5 triệu lượt; trong khi lượng hành khách quốc tế tăng 3,2% svck đạt 11,4 triệu lượt. Các hãng hàng không tăng giá vé để bù đắp tác động của giá dầu tăng, làm ảnh hưởng đến nhu cầu nội địa trong kỳ. Bên cạnh đó, sản lượng vận chuyển trong Q2/2026 cũng giảm do PQC không còn đóng góp sau khi ACV bàn giao sân bay này cho Sun Group (chưa niêm yết).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, ACV

Lợi nhuận thuần cốt lõi giảm 1% so với cùng kỳ

	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck	% dự báo 2026
Doanh thu thuần	6,324	0%	-8%	13,164	4%	47%
Lợi nhuận thuần	3,358	29%	0%	6,704	17%	58%
- Lợi nhuận thuần ACV	2,703	32%	5%	5,278	12%	55%
-Tàn sản khu bay	512	31%	-3%	1,043	31%	
-Dịch vụ an ninh	139	-13%	-41%	5,278	2262%	
-Lợi ích cổ đông thiểu số	4	46%	-7%	8	35%	
Lợi nhuận thuần cốt lõi	2,508	-1%	-2%	5,064	-10%	53%

Nguồn: ACV, HSC

Nếu loại trừ sản lượng tại PQC để so sánh trên cơ sở tương đương, tổng lượng hành khách Q2/2026 của ACV đi ngang so với cùng kỳ do lượng hành khách quốc tế tăng 8,5% svck, bù đắp hoàn toàn mức giảm 4,7% svck của lượng hành khách nội địa.

Tính chung nửa đầu năm 2026, tổng lượng hành khách của ACV đạt 61 triệu lượt (tăng 1% so với cùng kỳ), bao gồm 24,1 triệu lượt hành khách quốc tế (tăng 6% so với cùng kỳ) và 36,8 triệu lượt hành khách nội địa (giảm 1% so với cùng kỳ). Các kết quả này đều bằng 49% dự báo cả năm của HSC (Bảng 2).

Lợi nhuận thuần tăng 32% nhưng lợi nhuận HĐKD cốt lõi giảm 1% so với cùng kỳ

Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (giảm 1% so với cùng kỳ) do lượng hành khách suy yếu. Tuy nhiên, nhờ các khoản mục không thường xuyên như đã đề cập ở trên, lợi nhuận thuần tăng mạnh 32% so với cùng kỳ đạt 2,7 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận HĐKD cốt lõi sát với dự báo của HSC, trong khi lợi nhuận thuần vượt dự báo nhờ khoản lãi tỷ giá không thường xuyên.

Tính chung nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt 5,1 nghìn tỷ đồng (giảm 10% so với cùng kỳ), trong khi lợi nhuận thuần đạt 5,3 nghìn tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 53% và 55% dự báo cả năm 2026 của HSC.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại các dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu. Sau khi giá cổ phiếu giảm 10% trong 3 tháng qua, ACV đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 22,1 lần, so với bình quân 4 năm (từ tháng 1/2022) ở mức 24,5 lần.

Bảng 2: Số lượng hành khách, ACV

Số lượng hành khách giảm do nhu cầu nội địa yếu

Triệu khách	Q2/26	So với cùng kỳ	So với cùng kỳ điều chỉnh	So với quý trước	6T26	So với cùng kỳ	So với cùng kỳ điều chỉnh	% hoàn thành dự báo cả năm - HSC
Quốc tế	11.4	3.2%	8.5%	-11.0%	24.1	6%	12.8%	49%
Nội địa	17.5	-8.8%	-4.7%	-9.2%	36.8	-1%	2.8%	49%
Tổng cộng	28.9	-4.4%	0.1%	-9.9%	61.0	1%	6.5%	49%

Ghi chú: Điều chỉnh tăng trưởng cùng kỳ thể hiện mức tăng trưởng so với cùng kỳ 2025, loại trừ sân bay Phú Quốc.
Nguồn: ACV, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	22,597	25,960	28,089	31,877	37,149
Lợi nhuận gộp	13,873	15,785	15,355	9,308	13,401
Chi phí BH&QL	(1,413)	(1,867)	(1,836)	(2,046)	(2,368)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	12,461	13,919	13,519	7,262	11,032
Lãi vay thuần	1,634	517	416	(934)	81.1
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	336	432	454	477	500
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	33.4	47.5	51.4	58.3	67.9
LNTT	14,465	14,915	14,440	6,862	11,682
Chi phí thuế TNDN	(2,788)	(2,845)	(2,888)	(1,372)	(2,336)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,256)	(1,229)	(2,013)	(2,033)	(2,181)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	10,421	10,842	9,539	3,457	7,164
Lợi nhuận thuần ĐC	9,366	9,745	8,574	3,107	6,439
EBITDA ĐC	14,750	16,882	18,530	20,695	24,252
EPS (đồng)	4,787	3,925	2,663	965	2,000
EPS ĐC (đồng)	2,615	2,720	2,393	867	1,797
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,177	2,763	3,582	3,582	3,582
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,177	3,582	3,582	3,582	3,582
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,582	3,582	3,582	3,582	3,582

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	6,307	4,240	5,009	1,089	1,654
Đầu tư ngắn hạn	20,249	10,505	4,775	28,689	33,434
Phải thu khách hàng	12,309	8,253	9,155	10,761	12,996
Hàng tồn kho	294	352	441	781	822
Các tài sản ngắn hạn khác	1,537	3,492	3,778	4,288	4,997
Tổng tài sản ngắn hạn	40,695	26,842	23,158	45,608	53,902
TSCĐ hữu hình	32,920	60,119	123,995	114,274	100,367
TSCĐ vô hình	12.1	11.7	13.3	15.0	16.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	175	177	177	177	177
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,832	3,012	3,012	3,012	3,012
Tài sản dài hạn khác	647	756	762	762	762
Tổng tài sản dài hạn	36,587	64,076	127,959	118,240	104,334
Tổng cộng tài sản	77,282	90,918	151,117	163,848	158,236
Nợ ngắn hạn	396	412	445	505	589
Phải trả người bán	1,685	2,989	3,740	6,629	6,976
Nợ ngắn hạn khác	2,155	4,315	5,274	8,874	9,337
Tổng nợ ngắn hạn	7,634	11,317	13,968	23,998	25,307
Nợ dài hạn	9,346	9,300	58,256	57,830	47,674
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.40	0.40	0.40	0.40	0.40
Nợ dài hạn khác	261	371	390	409	430
Tổng nợ dài hạn	9,607	9,672	58,646	58,240	48,105
Tổng nợ phải trả	17,241	20,989	72,614	82,238	73,412
Vốn chủ sở hữu	59,984	69,873	78,447	81,553	84,768
Lợi ích cổ đông thiểu số	56.4	56.4	56.4	56.4	56.4
Tổng vốn chủ sở hữu	60,041	69,930	78,503	81,610	84,824
Tổng nợ phải trả và VCSH	77,282	90,918	151,117	163,848	158,236
BVPS (đ)	27,554	19,505	21,898	22,766	23,663
Nợ thuần*/(tiền mặt)	3,436	5,472	53,692	57,246	46,609

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	12,461	13,919	13,519	7,262	11,032
Khấu hao	(2,289)	(2,964)	(5,011)	(13,434)	(13,220)
Lãi vay thuần	1,634	517	416	(934)	81.1
Thuế TNDN đã nộp	(2,418)	(2,582)	(2,888)	(1,372)	(2,336)
Thay đổi vốn lưu động	(2,750)	2,124	5,131	(19,711)	(9,835)
Khác	(69.1)	198	219	(1,616)	(1,370)
LCT thuần từ HKKD	9,574	16,682	21,278	147	12,649
Đầu tư TS dài hạn	(13,263)	(29,492)	(70,331)	(4,404)	(3,97)
Góp vốn & đầu tư	307	122	833	703	1,217
Thanh lý	7,156	11,028	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(5,800)	(18,342)	(69,498)	(3,701)	1,213
Cổ tức trả cho CSH	(7.20)	(8.80)	0	0	(3,225)
Thu từ phát hành CP	0	(3.94)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(406)	(421)	48,989	(365)	(10,073)
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(414)	(434)	48,989	(365)	(13,297)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,844	6,307	4,240	5,009	1,089
LCT thuần trong kỳ	3,361	(2,093)	769	(3,919)	565
Ảnh hưởng của tỷ giá	102	26.4	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,307	4,240	5,009	1,089	1,654
Dòng tiền tự do	(3,689)	(12,809)	(49,053)	(4,257)	12,645

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	61.4	60.8	54.7	29.2	36.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	65.3	65.0	66.0	64.9	65.3
Tỷ suất LNT (%)	46.1	41.8	34.0	10.8	19.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.3	19.1	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	12.8	14.9	8.20	13.5	16.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	39.3	14.5	9.76	11.7	17.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	42.4	4.04	(12.0)	(63.8)	107
Tăng trưởng EPS (%)	42.4	(18.0)	(32.2)	(63.8)	107
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	42.4	4.04	(12.0)	(63.8)	107
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	18.9	16.7	12.9	4.32	8.62
ROACE (%)	19.1	18.7	12.5	5.24	8.09
Vòng quay tài sản (lần)	0.31	0.31	0.23	0.20	0.23
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.77	1.20	1.57	0.02	1.15
Số ngày tồn kho	12.3	12.6	12.6	12.6	12.6
Số ngày phải thu	515	296	262	174	200
Số ngày phải trả	70.5	107	107	107	107
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	5.74	7.85	68.5	70.2	55.0
Nợ/tài sản (%)	12.6	10.7	38.9	35.6	30.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	7.77	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.66	0.58	3.17	2.82	1.99
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.33	2.37	1.66	1.90	2.13
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.96	5.11	6.64	5.21	4.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.53	7.85	10.1	8.03	6.22
P/E (lần)	8.02	9.78	14.4	39.8	19.2
P/E ĐC (lần)	14.7	14.1	16.0	44.3	21.4
P/B (lần)	1.39	1.97	1.75	1.69	1.62
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn